



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN -
SÔNG HÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2013)
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2013)
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH
Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Vũ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Số: 910 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn 'Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ', báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dương Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1941-2013-001-1

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.256.830.021.465	1.467.516.629.020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	573.932.274.705	640.342.507.484
1. Tiền	111		31.292.274.705	13.725.507.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		542.640.000.000	626.617.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	181.118.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	-	181.118.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		628.100.688.027	598.779.150.626
1. Phải thu khách hàng	131		157.474.230.447	143.309.993.065
2. Trả trước cho người bán	132	7	435.585.660.989	431.970.413.857
3. Các khoản phải thu khác	135	8	35.040.796.591	23.498.743.704
IV. Hàng tồn kho	140	9	36.165.656.578	30.927.437.465
1. Hàng tồn kho	141		44.131.346.088	38.893.126.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.631.402.155	16.349.207.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.320.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.174.531.373	15.956.389.711
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		456.870.782	351.497.734
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		2.408.122.210.715	1.914.895.846.476
I. Tài sản cố định	220		2.392.391.519.091	1.898.614.047.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	920.535.541.476	985.490.166.686
- Nguyên giá	222		2.968.224.024.493	2.959.240.478.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.047.688.483.017)	(1.973.750.311.504)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.471.855.977.615	913.123.881.279
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.907.597.718	13.520.639.142
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	12.907.597.718	13.520.639.142
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.823.093.906	2.761.159.369
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		208.692.227	146.757.690
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.664.952.232.180	3.382.412.475.496

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.054.459.782.092		931.961.694.964	
I. Nợ ngắn hạn	310		900.956.991.700		720.085.160.107	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	664.833.201.060		591.015.250.928	
2. Phải trả người bán	312		38.062.851.850		11.058.429.001	
3. Người mua trả tiền trước	313		1.055.829.000		1.155.829.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	63.552.605.285		67.928.339.121	
5. Phải trả người lao động	315		6.165.673.747		5.395.728.189	
6. Chi phí phải trả	316		3.777.970.899		3.516.009.993	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	119.278.078.476		38.304.930.339	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.230.781.383		1.710.643.536	
II. Nợ dài hạn	330		153.502.790.392		211.876.534.857	
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	153.502.790.392		211.876.534.857	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.610.492.450.088		2.450.450.780.532	
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.609.648.860.003		2.449.203.529.076	
1. Vốn điều lệ	411	17	2.062.412.460.000		2.062.412.460.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	6.332.468.038		-	
3. Cổ phiếu quỹ	414	17	-		(47.117.531.962)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.575.787.126)		(7.338.762.414)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000		21.500.000.000	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000		26.880.000.000	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	501.099.719.091		392.867.363.452	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		843.590.085		1.247.251.456	
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		843.590.085		1.247.251.456	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.664.952.232.180		3.382.412.475.496	



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2013	2012
	số	minh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	10	19	283.679.694.907	332.190.919.819
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	131.397.958.047	154.577.429.886
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		152.281.736.860	177.613.489.933
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	93.660.509.156	97.758.266.312
5. Chi phí tài chính	22	22	5.802.431.136	(5.378.875.264)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.682.556.544	4.223.388.736
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.354.301.862	17.091.969.237
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		224.785.513.018	263.658.662.272
8. Thu nhập khác	31		111.818.182	220.388.744
9. Chi phí khác	32		98.283.095	87.565.072
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.535.087	132.823.672
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.326.078.576	1.741.613.876
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		226.125.126.681	265.533.099.820
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	28.729.506.431	31.535.026.822
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		197.395.620.250	233.998.072.998
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	967	1.157



Võ Văn Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.125.126.681	265.533.099.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(14.110.857.913)	(19.125.072.232)
- Khấu hao tài sản cố định	02	75.242.475.300	85.753.683.220
- Các khoản dự phòng	03	-	(9.602.264.000)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.888.778.517	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(94.924.668.274)	(99.499.880.188)
- Chi phí lãi vay	06	3.682.556.544	4.223.388.736
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	212.014.268.768	246.408.027.588
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(40.431.901.790)	53.587.955.481
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.238.219.113)	(5.506.915.480)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	86.749.359.144	2.746.207.989
- Thay đổi chi phí trả trước	12	214.450.524	(33.774.849)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.947.740.765)	(4.710.887.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(48.556.305.653)	(35.814.190.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	200.803.911.115	256.676.422.189
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(550.150.523.731)	(547.652.649.082)
2. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	181.118.326.000	402.067.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.573.553.099	106.459.806.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.458.644.632)	(39.125.842.805)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	53.450.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.213.015.247.314	1.001.172.528.499
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.200.696.844.876)	(977.731.541.810)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(75.523.901.700)	(83.446.449.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.755.499.262)	(60.005.462.911)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(66.410.232.779)	157.545.116.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	640.342.507.484	482.797.391.011
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	573.932.274.705	640.342.507.484

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 3.593.537.132 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu trong năm chưa được nghiệm thu và không bao gồm 26.568.742.949 VND là số tiền mua sắm xây dựng tài sản cố định trong năm chưa được thanh toán.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 45.005.951.200 VND là cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa trả cho các cổ đông và bao gồm 38.033.354.500 VND là cổ tức đã công bố trong năm trước và được chi trong năm nay.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 132 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty con là Tư vấn và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

H
S
/
T
P
/
T
A
/
P
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hinh).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2013 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

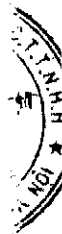
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong năm của Công ty bao gồm các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty sẽ thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và đi vào hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	706.216.207	1.000.272.060
Tiền gửi ngân hàng	30.586.058.498	12.725.235.424
Các khoản tương đương tiền (i)	542.640.000.000	626.617.000.000
	573.932.274.705	640.342.507.484

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 473,64 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 533,05 tỷ VND). Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 6% đến 7%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	-	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	-	150.433.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	-	50.433.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	-	100.000.000.000
	-	181.118.326.000

- (i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phá Lại. Toàn bộ số cổ phiếu mà Công ty sở hữu đã được thanh lý trong năm 2013.
- (ii) Khoản cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo các hợp đồng với số tiền cho vay là 100 tỷ VND đã được tất toán vào tháng 01 năm 2013.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho các nhà thầu để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, chi tiết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hydrochina Huadong - CR18G	249.024.687.253	284.057.318.817
Andrizz Hydro GmbH	133.841.928.951	66.540.760.150
Các nhà thầu khác	52.719.044.785	81.372.334.890
	435.585.660.989	431.970.413.857

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	3.734.247.467	19.539.033.769
Phải thu Công ty Mua bán điện (i)	28.589.573.003	-
Phải thu khác	2.716.976.121	3.959.709.935
	35.040.796.591	23.498.743.704

- (i) Thể hiện khoản phải thu tương ứng với phần doanh thu tăng thêm khi Công ty tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2012. Hồ sơ thanh toán điện năng cho giai đoạn này đang được Công ty Mua bán điện xét duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.842.470.615	37.095.930.654
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.288.875.473	1.797.196.321
	44.131.346.088	38.893.126.975
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	36.165.656.578	30.927.437.465

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.055.673.293.893	866.036.731.890	29.031.097.162	8.499.355.245	2.959.240.478.190
Tăng trong năm	-	9.190.899.947	291.734.287	1.569.083.566	11.051.717.800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(487.450.000)	-	(487.450.000)
Phân loại lại	(63.521.000)	(334.903.295)	(97.355.776)	(1.084.941.426)	(1.580.721.497)
Tại ngày 31/12/2013	2.055.609.772.893	874.892.728.542	28.738.025.673	8.983.497.385	2.968.224.024.493
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	(1.115.785.165.037)	(833.563.235.137)	(21.940.775.174)	(2.461.136.156)	(1.973.750.311.504)
Khấu hao trong năm	(68.401.933.876)	(5.252.535.155)	(1.102.862.900)	(485.143.369)	(75.242.475.300)
Tăng khác	-	-	(380.241.987)	(86.641.204)	(466.883.191)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	425.530.542	-	425.530.542
Phân loại lại	63.521.000	280.617.540	96.939.032	904.578.864	1.345.656.436
Tại ngày 31/12/2013	(1.184.123.577.913)	(838.535.152.752)	(22.901.410.487)	(2.128.341.865)	(2.047.688.483.017)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	871.486.194.980	36.357.575.790	5.836.615.186	6.855.155.520	920.535.541.476
Tại ngày 31/12/2012	939.888.128.856	32.473.496.753	7.090.321.988	6.038.219.089	985.490.166.686

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 329.227.740.444 VND (31/12/2012: 351.011.781.600 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng giá trị là 861.096.697.848 VND (31/12/2012: 860.757.681.755 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	1.376.423.745.475	824.403.814.547
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	91.836.625.883	86.155.898.037
Khác	3.595.606.257	2.564.168.695
	1.471.855.977.615	913.123.881.279

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kối, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định. Thông tin chi tiết về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	28.016.804.619	31.819.793.920
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.056.229.965	4.626.231.688
Giá trị tài sản thuần	25.960.574.654	27.193.562.232
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	12.907.597.718	13.520.639.142
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	2.067.736.800	2.067.736.800
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	3.792.837.854	5.025.825.432
	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	15.920.121.115	17.459.912.731
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.138.958.926	3.792.150.227
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.326.078.576	1.741.613.876

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.057.913.879	5.612.783.429
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	258.742.290.026	230.732.272.872
Ngân hàng TMCP Đại Dương	33.668.933.760	66.413.226.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	149.474.566.004	69.689.758.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	8.665.192.300
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	85.538.633.340	109.382.822.227
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	60.983.173.465	19.551.244.650
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bình Định	8.204.740.500	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	14.150.884.398	-
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	25.012.065.688	24.764.751.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	21.203.200.000
	<u>664.833.201.060</u>	<u>591.015.250.928</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm, các khoản vay chịu lãi suất khoảng 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 13,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản vay ngắn hạn được tín chấp với số tiền vay là 163.610.030.615 VND. Các khoản vay còn lại được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi trị giá 473,64 tỷ VND và toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình trên đất của Công ty tại số 21 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.982.898.012 VND.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	322.901.758	416.534.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.391.975.775	30.201.176.906
Thuế tài nguyên	2.875.222.011	632.400.728
Phí bảo vệ môi trường	48.394.511.820	35.015.880.480
Các loại thuế khác	1.567.993.921	1.662.346.715
	<u>63.552.605.285</u>	<u>67.928.339.121</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	45.005.951.200	38.033.354.500
Phải trả EVN tiền hỗ trợ vốn lưu động	74.000.000.000	-
Phải trả khác	272.127.276	271.575.839
	<u>119.278.078.476</u>	<u>38.304.930.339</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	153.502.790.392	176.749.734.857
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	15.626.800.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	19.500.000.000
	<u>153.502.790.392</u>	<u>211.876.534.857</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và bằng 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 327.244.842.432 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	25.012.065.688	45.967.951.100
Trong năm thứ hai	17.793.411.039	39.083.951.101
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.149.512.780	48.487.329.030
Sau năm năm	114.559.866.573	124.305.254.726
	<u>178.514.856.080</u>	<u>257.844.485.957</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	25.012.065.688	45.967.951.100
Số phải trả sau 12 tháng	<u>153.502.790.392</u>	<u>211.876.534.857</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.062.412.460.000	-	(47.117.531.962)	287.174.823.440
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	233.998.072.998
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	-	(121.344.747.600)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.297.055.500)
Chi khác	-	-	-	(663.729.886)
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.062.412.460.000	-	(47.117.531.962)	392.867.363.452
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	197.395.620.250
Phát sinh trong năm (i)	-	6.332.468.038	47.117.531.962	-
Công bố chia cổ tức trong năm (ii)	-	-	-	(82.496.498.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	(5.813.922.500)
Khác	-	-	-	(852.843.711)
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.062.412.460.000	6.332.468.038	-	501.099.719.091

- (i) Trong thời gian từ ngày 02 tháng 7 năm 2013 đến ngày 19 tháng 7 năm 2013, Công ty đã bán 4 triệu cổ phiếu quỹ sở hữu, giá bán bình quân 13.363 đồng/cổ phiếu, thu về khoản tiền trị giá 53.450 triệu đồng. Trong đó, bao gồm 6.332.468.038 VND là số chênh lệch giữa giá tái phát hành cao hơn giá thực tế mua lại cổ phiếu.
- (ii) (Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 số 474/2013/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2013, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 được phê duyệt là 10%. Trong năm 2012, Công ty đã tạm chi trả cổ tức theo tỷ lệ 6%. Số cổ tức còn lại (4%) được công bố chi trả trong năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1035/2013/NQ-VSH-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2013.
- (iii) Là số tiền tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2013 và các năm trước sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

Cơ cấu góp vốn

	31/12/2013		31/12/2012	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	-	-	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.054.175	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	202.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đều liên quan đến hoạt động sản xuất điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện (i) (ii)	283.237.654.908	323.546.138.786
Doanh thu dịch vụ khác	442.039.999	8.644.781.033
	<u>283.679.694.907</u>	<u>332.190.919.819</u>

(i) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho các năm từ năm 2010 đến năm 2013. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu năm 2010 và 11 tháng đầu năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu tháng 12 năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 76% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu năm 2012 và doanh thu năm 2013 đang được đơn vị ghi nhận với đơn giá bình quân (chưa bao gồm phí dịch vụ môi trường rừng) tương ứng là 382 VND/Kwh và 351 VND/Kwh.

(ii) Đơn giá doanh thu bán điện của năm 2011 và 2012 được Công ty tạm tính trên cơ sở giá bán điện của năm 2009, và không bao gồm phí dịch vụ môi trường rừng. Trong năm, hồ sơ thanh toán phí dịch vụ môi trường rừng của Công ty cho các năm này đã được Công ty Mua Bán điện chấp thuận thanh toán với số tiền 35.015 triệu VND. Khoản tiền này đã được ghi nhận doanh thu bổ sung trong năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	131.100.852.747	149.310.672.361
Giá vốn hoạt động khác	297.105.300	5.266.757.525
	<u>131.397.958.047</u>	<u>154.577.429.886</u>

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.362.117.898	2.919.450.640
Chi phí nhân công	22.598.782.776	26.326.392.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.818.524.088	85.753.683.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.406.134.796	4.750.430.874
Chi phí khác	43.058.379.503	52.468.467.911
	<u>147.243.939.061</u>	<u>172.218.425.172</u>

22. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	47.915.372.240	97.758.266.312
Cổ tức được chia	969.933.416	-
Thu lãi từ bán cổ phiếu	44.775.203.500	-
	<u>93.660.509.156</u>	<u>97.758.266.312</u>
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	3.682.556.544	4.223.388.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.119.874.592	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(9.602.264.000)
	<u>5.802.431.136</u>	<u>(5.378.875.264)</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	226.125.126.681	265.533.099.820
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và các khoản điều chỉnh do hợp nhất	1.705.736.973	1.741.613.876
Thu nhập chịu thuế	224.419.389.708	263.791.485.944
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 5%	136.782.500.299	159.738.674.996
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20% (i)	376.818.743	-
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 25%	87.260.070.666	104.052.810.948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.729.506.431	34.000.136.487
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	-	2.465.109.665
	<u>28.729.506.431</u>	<u>31.535.026.822</u>

- (i) Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH đã thỏa mãn điều kiện để được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, theo quy định tại Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	197.395.620.250	233.998.072.998
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	204.092.986	202.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>967</u>	<u>1.157</u>

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện là 220 tỷ VND.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và Hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công hầm dẫn nước (từ Km0+270 đến Km3+000) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 1.324.037.315.815 VND và 25.000.000 USD. Công ty tiếp tục ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 930/2011/BSHD-VSH-HHCR-18G của hợp đồng số 886/2010/HĐ-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 gia cố trong và ngoài hầm dẫn nước (từ Km0+000 đến Km0+270) và Phụ lục hợp đồng số 827/2012/PLHD-VSH-TH ngày 17 tháng 8 năm 2012 về việc xây dựng trạm phân phối điện với tổng giá trị lần lượt là 6.723.438.229 VND và 27.035.830.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phần khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng này khoảng 406 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng số 817/2012/HĐ-VSH-AH với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 35.489.858 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cho nhà thầu với số tiền khoảng 133,84 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) trị giá 27.100.933,35 USD và số tiền bằng USD tương đương 3.000.000 EUR. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 85% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản vay chưa được giải ngân.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	818.335.991.452	802.891.785.785
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	640.342.507.484
Nợ thuần	244.403.716.747	162.549.278.301
Vốn chủ sở hữu	2.610.492.450.088	2.450.450.780.532
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,09	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	640.342.507.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.515.027.038	166.808.736.769
Đầu tư ngắn hạn	-	181.118.326.000
Tổng cộng	766.447.301.743	988.269.570.253
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	818.335.991.452	802.891.785.785
Phải trả người bán và phải trả khác	157.340.930.326	49.363.359.340
Chi phí phải trả	3.777.970.899	3.516.009.993
Tổng cộng	979.454.892.677	855.771.155.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	207.449.592.882	296.581.927.897	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 10,37 tỷ VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay trong năm của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) sẽ tăng/giảm 16,68 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty Mua bán điện (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 186.051.307.869 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	-	573.932.274.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.515.027.038	-	192.515.027.038
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Tổng cộng	766.447.301.743	-	766.447.301.743
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	157.340.930.326	-	157.340.930.326
Chi phí phải trả	3.777.970.899	-	3.777.970.899
Các khoản vay	664.833.201.060	153.502.790.392	818.335.991.452
Tổng cộng	825.952.102.285	153.502.790.392	979.454.892.677
Chênh lệch thanh khoản thuần	(59.504.800.542)	(153.502.790.392)	(213.007.590.934)

1/1/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
31/12/2012	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.342.507.484	-	640.342.507.484
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.808.736.769	-	166.808.736.769
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	-	181.118.326.000
Tổng cộng	988.269.570.253	-	988.269.570.253
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	49.363.359.340	-	49.363.359.340
Chi phí phải trả	3.516.009.993	-	3.516.009.993
Các khoản vay	591.015.250.928	211.876.534.857	802.891.785.785
Tổng cộng	643.894.620.261	211.876.534.857	855.771.155.118
Chênh lệch thanh khoản thuần	344.374.949.992	(211.876.534.857)	132.498.415.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, mặc dù số dư tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với công nợ tài chính; tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch tài chính trong tương lai và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	283.237.654.908	323.546.138.786
Lãi cho vay EVN	388.888.889	45.998.375.345
Cổ tức		
Số cổ tức công bố chia trong năm:		
Cho EVN	25.206.779.200	37.810.168.800
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	19.799.172.000	29.698.758.000
Số cổ tức trả trong năm (bằng tiền hoặc bù trừ công nợ):		
Cho EVN	37.810.168.800	126.033.896.000
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	-	29.698.758.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	1.939.120.000	1.163.455.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNHSố 21, đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	186.051.307.869	143.299.041.484
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.206.779.200	37.810.168.800
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	-	100.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.780.442.443	1.992.021.563

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



[Signature]
Trần Văn Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

[Signature]
Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

[Signature]
Lê Văn Chương
Người lập